

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HS - ST

Ngày: 26 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành và bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2024/TLST - HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999 tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư N, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị H1; chồng là Phan Văn L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Mạc Văn S, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; đều trú tại: Khu dân cư N, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

- Anh Phạm Tuấn A,
- Bà Nguyễn Thị M,
- Bà Dương Thị B,
- Anh Vũ Văn Ng,
- Anh Phan Văn L,

Đều vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 20/7/2024, Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe đạp điện, nhãn hiệu IZUKI, màu đen (xe H mượn của bố đẻ là ông Nguyễn Văn N) đi đến nhà ông Mạc Văn S và bà Nguyễn Thị B ở khu dân cư N, phường C, thành phố Chí Linh để chơi và ở lại ăn cơm trưa. Quá trình ngồi chơi, H có vào trong phòng ngủ ở bên trái cầu thang để sạc nhờ điện thoại di động và để áo khoác ngoài ở trong phòng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, H đi vào phòng ngủ để lấy điện thoại và áo của mình. Khi H vào phòng thì có cháu Hoàng Hải Đ là cháu ngoại của ông S, bà B đang chơi ở trong phòng còn ông S, bà B đang ngồi chơi ở phòng khách. H thấy cháu Đ mở tủ quần áo kê ở trong phòng rồi đóng tủ lại, đi ra khỏi phòng, thấy mọi người không để ý nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong tủ. H đi đến gần chiếc tủ dùng tay mở cánh tủ và kéo ngăn tủ phía bên dưới tủ ra xem có tài sản gì có thể chiếm đoạt được không thì thấy có một túi ni lông màu xám bạc, trong túi ni lông chứa 01 túi vải màu trắng, họa tiết chữ viết màu xanh, có dây đeo màu xanh không kéo khóa. H quan sát thấy phía bên trong túi vải có 04 tập tiền polime mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây nịt màu vàng, 03 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, H dùng tay lấy túi xách chứa tiền rồi đóng ngăn tủ, cánh tủ lại. H để túi tiền vào trong áo vải của H rồi cuộn tròn lại. Sau đó, H cầm áo và điện thoại đi qua phòng bếp để chiếc áo chứa túi tiền bên trong vào lòng xe đạp rồi đi về. Khi đi về đến đoạn đường cánh đồng thuộc đường liên khu T - N, quan sát thấy không có ai nên H dừng xe lại, mở túi vải để lấy tiền cất vào trong túi áo và mặc áo lên người, đồng thời vút túi vải ở rìa đường và đi về nhà.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, H đến quán điện thoại của anh Phạm Tuấn A ở nhà số 115 đường H, khu dân cư T, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và đưa 100.000.000 đồng (gồm 02 tập tiền, mỗi tập 100 tờ polime mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây nịt màu vàng) để nhờ anh Tuấn A chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0341007050471 của H. Anh Tuấn A đồng ý và dùng tài khoản ngân hàng VIB số 123282999 của anh Tuấn Anh để chuyển vào tài khoản của H số tiền trên. Anh Tuấn A đã sử dụng số tiền 100.000.000 đồng tiền mặt do H đưa để giao dịch mua bán hàng hóa với khách hàng. Buổi chiều cùng ngày, Huyền tiếp tục đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Dương Thị B rồi sử dụng số tiền 2.360.000 đồng mà H chiếm đoạt của ông S, bà B để trả nợ cho chị B. Đến ngày 23/07/2024, H đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị M rồi sử dụng số tiền 1.600.000 đồng mà H chiếm đoạt được của ông S, bà B để trả nợ cho chị M. Chị B và chị M không biết tiền H số tiền mà H dùng để trả nợ là do chiếm đoạt của người khác mà có. Chị B, chị M đã dùng số tiền đó để mua, bán hàng hóa với khách hàng. Ngoài ra, H còn tiêu sài cá nhân hết số tiền 6.040.000 đồng. Số tiền còn lại 80.600.000 đồng H cất giấu tại nhà.

Sau khi hành vi của H bị phát hiện, ngày 25/7/2024, H đến ngân hàng rút 100.000.000 đồng ở trong tài khoản ngân hàng của H, mang đến Công an phường C, thành phố Chí Linh để giao nộp số tiền và đầu thú. Ngày 02/08/2024, Huyện đã trả lại số tiền 90.600.000 đồng cho vợ chồng ông S, bà B.

Tại bản kết luận giám định số 156/KLGD ngày 12/08/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 200 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng do Nguyễn Thị Thu H giao nộp cho Công an phường C, thành phố Chí Linh vào ngày 25/07/2024 đều là tiền thật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 37/KLĐG ngày 26/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Chí Linh kết luận, tại thời điểm ngày 20/7/2024: 01 túi vải màu trắng, hình họa tiết chữ viết bên ngoài màu xanh, dây đeo màu xanh, có khóa kéo trị giá là 50.000 đồng. Tổng số tiền và túi vải H đã chiếm đoạt có giá trị: 190.650.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 88/CT- VKSCL ngày 27/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- *Tại phiên tòa:*

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với mình là đúng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc áo dài tay, màu trắng sữa, bên trên túi áo ngực bên trái có thêu dòng chữ màu trắng “Nhôm Đông Á”, đã qua sử dụng. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành

phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/7/2024, tại phòng ngủ nhà ông Mạc Văn S, bà Nguyễn Thị B ở khu dân cư N, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi lợi dụng sơ hở của ông S, bà B để mở tủ quần áo rồi chiếm đoạt của ông S, bà B tài sản gồm: 01 túi vải màu trắng, có giá trị là 50.000 đồng cùng số tiền 190.600.000 đồng đựng trong túi vải. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 190.650.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an xã hội và bức xúc trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi. Bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản là 190.650.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo.

[4] Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo không có tiền án tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cho đến nay thì bị cáo đang có thai; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 25/7/2024 bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách bồi thường cho bị hại số tiền 190.600.000 đồng; bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội do bộc phát, không có dự mưu từ trước, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết nhưng nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo

mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo. Qua đó thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật và không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền 190.600.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về chiếc túi vải mà bị cáo đã làm mất và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc áo dài tay, màu trắng sữa, bên trên túi áo ngực bên trái có thêu dòng chữ màu trắng “Nhôm Đông Á”, đã qua sử dụng của bị cáo do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xét chiếc áo hiện đã cũ, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với chiếc túi vải màu trắng, họa tiết chữ viết màu xanh, có 01 dây đeo màu xanh, gồm 02 ngăn có khóa kéo bằng kim loại, kích thước khoảng (20x30)cm của ông S, bà B đã bị bị cáo vứt đi trên đường về; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã ra Quyết định truy tìm vật nhưng đến nay vẫn không thu được nên không đặt ra giải quyết.

[9] Đối với chiếc xe đạp điện của ông Nguyễn Văn N, ông N không biết bị cáo sử dụng xe để chở tài sản chiếm đoạt nên xác định chiếc xe không phải là phương tiện phạm tội. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã trả lại ông N chiếc xe, không đặt ra việc xử lý đối với ông N nên không xem xét.

Đối với anh Phạm Tuấn A, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị B không biết số tiền bị cáo trả nợ cho mình là tiền do bị cáo trộm cắp tài sản mà có nên cơ quan điều tra không xử lý, nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc dài tay, màu trắng sữa, bên trên túi áo ngực bên trái có thêu dòng chữ màu trắng “Nhôm Đông Á”, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/8/2024 giữa Công an thành phố Chí Linh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Chí Linh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CATP Chí Linh;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hậu